

HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN
TỈNH LONG AN

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 19 /2018/NQ-HĐND

Long An, ngày 12 tháng 7 năm 2018

NGHỊ QUYẾT

Về việc ban hành quy định về phân cấp thẩm quyền quyết định mua sắm, thuê tài sản, xử lý tài sản công tại các cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc phạm vi quản lý của tỉnh Long An

HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH LONG AN KHÓA IX - KỲ HỌP THỨ 10

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015;

Căn cứ Luật Quản lý, sử dụng tài sản công ngày 21/6/2017;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 22/6/2015;

Căn cứ Nghị định số 34/2016/NĐ-CP ngày 14/5/2016 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật;

Căn cứ Nghị định số 151/2017/NĐ-CP ngày 26/12/2017 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Quản lý, sử dụng tài sản công;

Căn cứ Thông tư số 58/2016/TT-BTC ngày 29/3/2016 của Bộ Tài chính quy định chi tiết việc sử dụng vốn nhà nước để mua sắm nhằm duy trì hoạt động thường xuyên của cơ quan nhà nước, đơn vị thuộc lực lượng vũ trang nhân dân, đơn vị sự nghiệp công lập, tổ chức chính trị, tổ chức chính trị - xã hội, tổ chức chính trị xã hội - nghề nghiệp, tổ chức xã hội, tổ chức xã hội - nghề nghiệp;

Xét Tờ trình số 56/TTr-UBND ngày 07/6/2018 của Ủy ban nhân dân tỉnh về việc phân cấp thẩm quyền quyết định mua sắm, thuê tài sản, xử lý tài sản công tại các cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc phạm vi quản lý của tỉnh Long An; Báo cáo thẩm tra của Ban kinh tế - ngân sách Hội đồng nhân dân tỉnh và ý kiến thảo luận của đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh tại kỳ họp.

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Ban hành kèm theo Nghị quyết này quy định về phân cấp thẩm quyền quyết định mua sắm, thuê tài sản, xử lý tài sản công tại các cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc phạm vi quản lý của tỉnh Long An.

Điều 2. Hội đồng nhân dân tỉnh giao Ủy ban nhân dân tỉnh tổ chức triển khai, thực hiện Nghị quyết.

Điều 3. Hội đồng nhân dân tỉnh giao Thường trực, các Ban, Tổ đại biểu và đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh kiểm tra, giám sát việc thực hiện Nghị quyết.

Nghị quyết này thay thế các Nghị quyết sau:

- Nghị quyết số 53/2012/NQ-HĐND ngày 13/7/2012 của Hội đồng nhân dân tỉnh về phân cấp đầu tư xây dựng, mua sắm, điều chuyển, bán, thanh lý, thuê, cho thuê, sửa chữa, bảo dưỡng, thu hồi, sản xuất kinh doanh dịch vụ, liên doanh, liên kết tài sản nhà nước thuộc phạm vi quản lý của tỉnh Long An;

- Nghị quyết số 95/2013/NQ-HĐND ngày 05/7/2013 của Hội đồng nhân dân tỉnh về sửa đổi, bổ sung Nghị quyết số 53/2012/NQ-HĐND ngày 13/7/2012 của Hội đồng nhân dân tỉnh.

Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân tỉnh Long An khóa IX, kỳ họp thứ 10 thông qua ngày 12/7/2018 và có hiệu lực thi hành kể từ ngày 01/8/2018./.

Nơi nhận:

- UB Thường vụ Quốc hội (b/c);
- Chính phủ (b/c);
- VP.QH, VP.CP “TP.HCM” (b/c);
- Ban Công tác đại biểu của UBTWQH (b/c);
- Cục Kiểm tra văn bản quy phạm pháp luật - Bộ Tư pháp;
- Bộ Tài chính;
- TT.TU (b/c);
- Đại biểu QH đơn vị tỉnh Long An;
- Đại biểu HĐND tỉnh khóa IX;
- UBND tỉnh, UBMTTQ tỉnh;
- Các sở ngành, đoàn thể tỉnh;
- TT.HĐND, UBND huyện, thị xã, thành phố;
- VP.UBND tỉnh;
- LĐ và CV VP. HĐND tỉnh;
- Trang thông tin điện tử HĐND tỉnh;
- Phòng Công báo - VP. UBND tỉnh;
- Lưu: VT.

CHỦ TỊCH



Phạm Văn Rạng

QUY ĐỊNH

Về phân cấp thẩm quyền quyết định mua sắm, thuê tài sản, xử lý tài sản công tại các cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc phạm vi quản lý của tỉnh Long An.

(Ban hành kèm theo Nghị quyết số: 19 /2018/NQ-HĐND ngày 12 /7/2018 của Hội đồng nhân dân tỉnh Long An)

Chương I QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

1. Quy định này phân cấp thẩm quyền quyết định mua sắm, thuê tài sản, xử lý tài sản công đối với cơ quan nhà nước; đơn vị sự nghiệp công lập; tổ chức chính trị - xã hội; tổ chức chính trị xã hội - nghề nghiệp, tổ chức xã hội, tổ chức xã hội - nghề nghiệp, tổ chức khác được thành lập theo quy định của pháp luật về hội thuộc phạm vi quản lý của tỉnh Long An (sau đây gọi chung là cơ quan, tổ chức, đơn vị);

Trình tự, thủ tục mua sắm, thuê tài sản, xử lý tài sản công thực hiện theo quy định của pháp luật về quản lý, sử dụng tài sản công, pháp luật về đấu thầu, pháp luật về đấu giá tài sản và pháp luật khác có liên quan.

2. Các tài sản công không thuộc phạm vi điều chỉnh:

a) Việc quản lý, sử dụng tài sản công đối với đơn vị vũ trang nhân dân và các cơ quan Trung ương trên địa bàn tỉnh; cơ quan Đảng Cộng sản Việt Nam; mua sắm, nâng cấp, cải tạo, sửa chữa tài sản công trong trường hợp phải lập thành dự án đầu tư.

b) Tài sản kết cấu hạ tầng phục vụ lợi ích quốc gia, lợi ích công cộng; tài sản công tại doanh nghiệp; tiền thuộc ngân sách nhà nước, các quỹ tài chính nhà nước ngoài ngân sách, dự trữ ngoại hối nhà nước; đất đai và các loại tài nguyên khác được quản lý, sử dụng theo quy định của pháp luật có liên quan.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

1. Cơ quan nhà nước.

2. Đơn vị sự nghiệp công lập.

3. Tổ chức chính trị - xã hội; tổ chức chính trị xã hội - nghề nghiệp, tổ chức xã hội, tổ chức xã hội - nghề nghiệp, tổ chức khác được thành lập theo quy định của pháp luật về hội.

4. Doanh nghiệp, tổ chức, cá nhân khác có liên quan đến quản lý, sử dụng tài sản công.

Chương II
PHÂN CẤP THẨM QUYỀN QUYẾT ĐỊNH MUA SẮM, THUÊ TÀI SẢN,
XỬ LÝ TÀI SẢN CÔNG TẠI CƠ QUAN NHÀ NƯỚC

Điều 3. Thẩm quyền quyết định mua sắm tài sản công

1. Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh

a) Trụ sở làm việc, cơ sở hoạt động sự nghiệp, nhà ở công vụ; quyền sử dụng đất thuộc trụ sở làm việc, cơ sở hoạt động sự nghiệp, nhà ở công vụ trong trường hợp không lập thành dự án đầu tư;

b) Xe ô tô, ca nô và phương tiện vận tải chuyên dùng khác;

c) Tài sản thuộc danh mục mua sắm tập trung của tỉnh;

d) Tài sản khác còn lại (trừ tài sản tại điểm a, điểm b, điểm c nêu trên), hàng hóa, dịch vụ có giá trị từ 500 triệu đồng trở lên/1 đơn vị tài sản, hàng hóa, dịch vụ hoặc mua sắm cùng một loại tài sản, hàng hóa, dịch vụ hay nhiều loại tài sản, hàng hóa, dịch vụ có tổng giá trị từ 500 triệu đồng trở lên/1 lần mua sắm của các cơ quan nhà nước cấp tỉnh.

2. Giám đốc Sở Tài chính

a) Tài sản khác còn lại, hàng hóa, dịch vụ có giá trị từ 100 triệu đồng đến dưới 500 triệu đồng/1 đơn vị tài sản, hàng hóa, dịch vụ hoặc mua sắm cùng một loại tài sản, hàng hóa, dịch vụ hay nhiều loại tài sản, hàng hóa, dịch vụ có tổng giá trị từ 100 triệu đồng đến dưới 500 triệu đồng/1 lần mua sắm của các cơ quan cấp tỉnh (trừ quy định tại khoản 3 Điều này);

b) Xe hai bánh gắn máy sử dụng chung đối với một số cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc cấp tỉnh và cấp huyện theo quyết định của Ủy ban nhân dân tỉnh.

3. Giám đốc Sở Y tế, Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Sở Giáo dục và Đào tạo, Sở Lao động - Thương binh và Xã hội, Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch

Tài sản khác còn lại, hàng hóa, dịch vụ có giá trị từ 100 triệu đồng đến dưới 500 triệu đồng/1 đơn vị tài sản, hàng hóa, dịch vụ hoặc mua sắm cùng một loại tài sản, hàng hóa, dịch vụ hay nhiều loại tài sản, hàng hóa, dịch vụ có tổng giá trị từ 100 triệu đồng đến dưới 500 triệu đồng/1 lần mua sắm của các cơ quan, đơn vị trực thuộc.

4. Thủ trưởng các cơ quan nhà nước cấp tỉnh

Tài sản khác còn lại, hàng hóa, dịch vụ có giá trị dưới 100 triệu đồng/1 đơn vị tài sản, hàng hóa, dịch vụ hoặc mua sắm cùng một loại tài sản, hàng hóa, dịch vụ hay nhiều loại tài sản, hàng hóa, dịch vụ có tổng giá trị dưới 100 triệu đồng/1 lần mua sắm của các cơ quan, đơn vị trực thuộc.

5. Chủ tịch Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố (gọi chung là cấp huyện)

Tài sản khác còn lại, hàng hóa, dịch vụ có giá trị từ 100 triệu đồng trở lên/1 đơn vị tài sản, hàng hóa, dịch vụ hoặc mua sắm cùng một loại tài sản, hàng hóa, dịch vụ hay nhiều loại tài sản, hàng hóa, dịch vụ có tổng giá trị từ 100 triệu đồng trở lên/1 lần mua sắm cho các cơ quan cấp huyện và cấp xã.

6. Chủ tịch Ủy ban nhân dân các xã, phường, thị trấn (gọi chung là cấp xã); Thủ trưởng các cơ quan nhà nước cấp huyện

Tài sản khác còn lại, hàng hóa, dịch vụ có giá trị dưới 100 triệu đồng/1 đơn vị tài sản, hàng hóa, dịch vụ hoặc mua sắm cùng một loại tài sản, hàng hóa, dịch vụ hay nhiều loại tài sản, hàng hóa, dịch vụ có tổng giá trị dưới 100 triệu đồng/1 lần mua sắm.

Điều 4. Thẩm quyền thuê tài sản phục vụ hoạt động của cơ quan nhà nước

1. Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định thuê tài sản để làm trụ sở làm việc của các cơ quan nhà nước cấp tỉnh.

2. Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện quyết định thuê tài sản để làm trụ sở làm việc của các cơ quan nhà nước cấp huyện và cấp xã.

3. Thủ trưởng cơ quan nhà nước các cấp căn cứ vào dự toán ngân sách nhà nước hàng năm, nhu cầu sử dụng và hiện trạng tài sản hiện có quyết định thuê tài sản không phải là trụ sở làm việc *đảm bảo đúng quy định tại Điều 32 Luật Quản lý, sử dụng tài sản công.*

Điều 5. Thẩm quyền quyết định thu hồi tài sản công

1. Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định thu hồi các loại tài sản công quy định tại khoản 1 Điều 3 Quy định này.

2. Giám đốc Sở Tài chính

a) Tài sản khác còn lại có nguyên giá theo sổ sách kế toán từ 100 triệu đồng đến dưới 500 triệu đồng/1 đơn vị tài sản của các cơ quan nhà nước cấp tỉnh (trừ quy định tại khoản 3 Điều này).

b) Xe hai bánh gắn máy sử dụng chung đối với các cơ quan, tổ chức, đơn vị trên địa bàn tỉnh trạng bị không đúng tiêu chuẩn theo quyết định của Ủy ban nhân dân tỉnh.

3. Giám đốc Sở Y tế, Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Sở Giáo dục và Đào tạo, Sở Lao động - Thương binh và Xã hội, Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch

Tài sản khác còn lại có nguyên giá theo sổ sách kế toán từ 100 triệu đồng đến dưới 500 triệu đồng/1 đơn vị tài sản của các cơ quan, đơn vị trực thuộc.

4. Thủ trưởng các cơ quan nhà nước cấp tỉnh

Tài sản khác còn lại có nguyên giá theo sổ sách kế toán dưới 100 triệu đồng/1 đơn vị tài sản của các cơ quan, đơn vị trực thuộc.

5. Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện

Tài sản khác còn lại của các cơ quan nhà nước cấp huyện và cấp xã.

Điều 6. Thẩm quyền quyết định điều chuyển, bán, thanh lý tài sản công

1. Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh

a) Điều chuyển các loại tài sản công theo quy định tại khoản 1 Điều 3 Quy định này giữa các cơ quan nhà nước cấp tỉnh; giữa cơ quan nhà nước cấp tỉnh và cơ quan nhà nước cấp huyện, cấp xã; giữa cơ quan nhà nước cấp huyện, cấp xã thuộc phạm vi quản lý.

b) Bán, thanh lý các loại tài sản công theo quy định tại khoản 1 Điều 3 Quy định này (*trừ trường hợp thanh lý đối với nhà làm việc hoặc tài sản khác gắn liền với đất phải phá dỡ theo quyết định của cơ quan nhà nước có thẩm quyền thực hiện theo quy định tại khoản 2, khoản 3, khoản 5 Điều này*).

2. Giám đốc Sở Tài chính

a) Điều chuyển tài sản khác còn lại có nguyên giá theo sổ sách kế toán dưới 500 triệu đồng/1 đơn vị tài sản giữa các cơ quan nhà nước cấp tỉnh; giữa cơ quan nhà nước cấp tỉnh và cơ quan nhà nước cấp huyện, cấp xã; giữa cơ quan nhà nước cấp huyện thuộc phạm vi quản lý.

b) Bán, thanh lý tài sản khác còn lại có nguyên giá từ 100 triệu đồng đến dưới 500 triệu đồng/1 đơn vị tài sản của các cơ quan nhà nước cấp tỉnh; Xe hai bánh gắn máy sử dụng chung của một số cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc cấp tỉnh và cấp huyện được cấp theo quy định của Ủy ban nhân dân tỉnh.

Thanh lý đối với nhà làm việc hoặc tài sản khác gắn liền với đất của các cơ quan nhà nước cấp tỉnh do nằm trong quy hoạch lộ giới hoặc phải di dời để giao mặt bằng cho tổ chức làm nhiệm vụ bồi thường, giải phóng mặt bằng của địa phương hoặc thực hiện dự án đầu tư xây dựng mới, nâng cấp, cải tạo, sửa chữa theo quyết định của cơ quan nhà nước có thẩm quyền hoặc tạo thông thoáng khuôn viên trụ sở làm việc (trừ quy định tại khoản 3 Điều này);

3. Giám đốc Sở Y tế, Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Sở Giáo dục và Đào tạo, Sở Lao động Thương binh và Xã hội, Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch

a) Điều chuyển tài sản khác còn lại có nguyên giá theo sổ sách kế toán từ 100 triệu đồng đến dưới 500 triệu đồng/1 đơn vị tài sản của các cơ quan, đơn vị trực thuộc.

b) Bán, thanh lý tài sản khác còn lại có nguyên giá từ 100 triệu đồng đến dưới 500 triệu đồng/1 đơn vị tài sản của các cơ quan, đơn vị trực thuộc;

Thanh lý đối với nhà làm việc hoặc tài sản khác gắn liền với đất của các cơ quan, đơn vị trực thuộc do nằm trong quy hoạch lộ giới hoặc phải di dời để giao mặt bằng cho tổ chức làm nhiệm vụ bồi thường, giải phóng mặt bằng của địa phương hoặc thực hiện dự án đầu tư xây dựng mới, nâng cấp, cải tạo, sửa chữa theo quyết định của cơ quan nhà nước có thẩm quyền hoặc tạo thông thoáng khuôn viên trụ sở làm việc.

4. Thủ trưởng các cơ quan nhà nước cấp tỉnh

a) Điều chuyển tài sản khác còn lại có nguyên giá theo sổ sách kế toán dưới 100 triệu đồng/1 đơn vị tài sản giữa các cơ quan, đơn vị trực thuộc.

b) Bán, thanh lý tài sản khác còn lại có nguyên giá dưới 100 triệu đồng/1 đơn vị tài sản của các cơ quan, đơn vị trực thuộc.

5. Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện

a) Điều chuyển tài sản khác còn lại có nguyên giá theo sổ sách kế toán dưới 500 triệu đồng/1 đơn vị tài sản giữa các cơ quan nhà nước cấp huyện; giữa cơ quan nhà nước cấp huyện và cơ quan nhà nước cấp xã thuộc phạm vi quản lý.

b) Bán, thanh lý tài sản khác còn lại có nguyên giá từ 100 triệu đồng trở lên/1 đơn vị tài sản thuộc phạm vi quản lý;

Thanh lý đối với nhà làm việc hoặc tài sản khác gắn liền với đất của các cơ quan nhà nước cấp huyện và cấp xã do nằm trong quy hoạch lộ giới hoặc phải di dời để giao mặt bằng cho tổ chức làm nhiệm vụ bồi thường, giải phóng mặt bằng của địa phương hoặc thực hiện dự án đầu tư xây dựng mới, nâng cấp, cải tạo, sửa chữa theo quyết định của cơ quan nhà nước có thẩm quyền hoặc tạo thông thoáng khuôn viên trụ sở làm việc.

6. Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã; Thủ trưởng các cơ quan nhà nước cấp huyện

Bán, thanh lý tài sản khác còn lại có nguyên giá dưới 100 triệu đồng/1 đơn vị tài sản.

Điều 7. Thẩm quyền quyết định tiêu hủy tài sản công

1. Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định tiêu hủy các loại tài sản công theo quy định tại khoản 1 Điều 3 Quy định này.

2. Giám đốc Sở Tài chính quyết định tiêu hủy tài sản khác còn lại có nguyên giá theo sổ sách kế toán từ 100 triệu đồng đến dưới 500 triệu đồng/1 đơn vị tài sản của các cơ quan nhà nước cấp tỉnh (trừ quy định tại khoản 3 Điều này).

3. Giám đốc các Sở Y tế, Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Sở Giáo dục và Đào tạo, Sở Lao động Thương binh và Xã hội, Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch quyết định tiêu hủy tài sản khác còn lại có nguyên giá theo sổ sách kế toán từ 100 triệu đồng đến dưới 500 triệu đồng/1 đơn vị tài sản của các cơ quan, đơn vị trực thuộc.

4. Thủ trưởng các cơ quan nhà nước cấp tỉnh quyết định tiêu hủy tài sản khác còn lại có nguyên giá theo sổ sách kế toán dưới 100 triệu đồng/1 đơn vị tài sản của các cơ quan, đơn vị trực thuộc.

5. Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện quyết định tiêu hủy tài sản khác còn lại có nguyên giá theo sổ sách kế toán từ 100 triệu đồng trở lên/1 đơn vị tài sản của các cơ quan nhà nước cấp huyện và cấp xã.

6. Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã; Thủ trưởng các cơ quan nhà nước cấp huyện quyết định tiêu hủy tài sản khác còn lại có nguyên giá theo sổ sách kế toán dưới 100 triệu đồng/1 đơn vị tài sản được giao quản lý, sử dụng.

Điều 8. Thẩm quyền quyết định xử lý tài sản công trong trường hợp bị mất, bị hủy hoại.

1. Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định xử lý tài sản công trong trường hợp bị hủy hoại do thiên tai, hỏa hoạn của các cơ quan nhà nước cấp tỉnh.

2. Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện quyết định xử lý tài sản công trong trường hợp bị hủy hoại do thiên tai, hỏa hoạn của các cơ quan nhà nước cấp huyện và cấp xã.

3. Thủ trưởng cơ quan nhà nước các cấp quyết định xử lý tài sản công được giao quản lý, sử dụng trong trường hợp bị mất hoặc nguyên nhân khác.

Chương III

PHÂN CẤP THẨM QUYỀN QUYẾT ĐỊNH MUA SẮM, THUÊ TÀI SẢN, XỬ LÝ TÀI SẢN CÔNG TẠI ĐƠN VỊ SỰ NGHIỆP CÔNG LẬP

Điều 9. Thẩm quyền quyết định mua sắm tài sản công tại đơn vị sự nghiệp công lập

Các đơn vị sự nghiệp công lập thực hiện theo quy định tại Điều 3 Chương II Quy định này, trừ trường hợp quy định tại *điểm c khoản 2 Điều 37 Nghị định số 151/2017/NĐ-CP*.

Điều 10. Thẩm quyền thuê tài sản phục vụ hoạt động của đơn vị sự nghiệp công lập

Thực hiện theo quy định tại Điều 4 Chương II Quy định này, trừ trường hợp quy định tại *điểm c khoản 1 Điều 38 Nghị định số 151/2017/NĐ-CP*.

Điều 11. Thẩm quyền quyết định thu hồi, điều chuyển, bán, thanh lý tài sản công

1. Thẩm quyền quyết định thu hồi tài sản công thực hiện theo quy định tại Điều 5 Chương II Quy định này.

2. Thẩm quyền quyết định điều chuyển, bán tài sản công thực hiện theo quy định tại Điều 6 Chương II Quy định này.

3. Thẩm quyền quyết định thanh lý tài sản công là nhà làm việc, công trình sự nghiệp, tài sản khác gắn liền với đất; xe ô tô; tài sản có nguyên giá từ 500 triệu đồng trở lên/1 đơn vị tài sản thực hiện theo quy định tại Điều 6 Chương II Quy định này.

Người đứng đầu đơn vị sự nghiệp công lập quyết định thanh lý đối với tài sản khác.

Điều 12. Thẩm quyền quyết định tiêu hủy; xử lý tài sản công trong trường hợp bị mất, bị hủy hoại

1. Thẩm quyền quyết định tiêu hủy tài sản công thực hiện theo quy định tại Điều 7 Chương II Quy định này.

2. Thẩm quyền quyết định xử lý tài sản công trong trường hợp bị mất, bị hủy hoại thực hiện theo quy định tại Điều 8 Chương II Quy định này.

Chương IV

PHÂN CẤP THẨM QUYỀN QUYẾT ĐỊNH MUA SẮM, THUÊ TÀI SẢN, XỬ LÝ TÀI SẢN CÔNG TẠI TỔ CHỨC CHÍNH TRỊ - XÃ HỘI, TỔ CHỨC CHÍNH TRỊ XÃ HỘI - NGHỀ NGHIỆP, TỔ CHỨC XÃ HỘI, TỔ CHỨC XÃ HỘI - NGHỀ NGHIỆP, TỔ CHỨC KHÁC ĐƯỢC THÀNH LẬP THEO QUY ĐỊNH CỦA PHÁP LUẬT VỀ HỘI

Điều 13. Thẩm quyền quyết định mua sắm tài sản công, thuê tài sản phục vụ hoạt động và xử lý tài sản công tại tổ chức chính trị-xã hội

1. Thẩm quyền quyết định mua sắm tài sản công, thuê tài sản phục vụ hoạt động và xử lý tài sản công tại tổ chức chính trị - xã hội thực hiện theo quy định tại Chương II Quy định này.

2. Thẩm quyền quyết định mua sắm tài sản công, thuê tài sản phục vụ hoạt động và xử lý tài sản công tại đơn vị sự nghiệp công lập thuộc tổ chức chính trị - xã hội thực hiện theo quy định tại Chương III Quy định này.

Điều 14. Thẩm quyền quyết định xử lý tài sản công tại tổ chức chính trị xã hội-nghề nghiệp, tổ chức xã hội, tổ chức xã hội-nghề nghiệp, tổ chức khác được thành lập theo quy định của pháp luật về hội.

Thẩm quyền quyết định xử lý tài sản công tại tổ chức chính trị xã hội - nghề nghiệp, tổ chức xã hội, tổ chức xã hội - nghề nghiệp, tổ chức khác được thành lập theo quy định của pháp luật về hội thực hiện theo quy định tại các Điều 5, Điều 6, Điều 7 và Điều 8 Chương II Quy định này.

Chương V

PHÂN CẤP THẨM QUYỀN QUYẾT ĐỊNH XỬ LÝ TÀI SẢN CỦA DỰ ÁN SỬ DỤNG VỐN NHÀ NƯỚC

Điều 15. Thẩm quyền phê duyệt phương án xử lý tài sản phục vụ hoạt động của dự án

1. Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định phê duyệt phương án xử lý tài sản phục vụ hoạt động dự án do tỉnh quản lý, gồm: điều chuyển tài sản; bán, thanh lý, tiêu hủy; xử lý tài sản trong trường hợp bị mất, bị hủy hoại.

2. Thẩm quyền quyết định điều chuyển tài sản; bán, thanh lý, tiêu hủy; xử lý tài sản trong trường hợp bị mất, bị hủy hoại thực hiện theo quy định tại Chương II Quy định này./.

CHỦ TỊCH

Phạm Văn Rạng

